

Số: **35**/QĐ-SCT

Tuyên Quang, ngày **01** tháng 4 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách giao bổ sung năm 2019 của Sở Công Thương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao kế hoạch vốn thực hiện các dự án thành phần (Dự án 3,4,5) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn Phòng,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách được giao bổ sung năm 2019 của Sở Công Thương Tuyên Quang cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh văn phòng; Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Tổng hợp; Trưởng các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận: *Vh*

- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở; (đăng tải trên cổng TTĐT của Sở)
- Lưu :VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngô Tiến Hà**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH  
ĐƯỢC GIAO BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số **35** /QĐ- SCT ngày **01** /4/2019 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)



ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó	
				VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG	TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TƯ VẤN PTCN
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20,00	20,00	20,00	-
1	Chi quản lý hành chính	20,00	20,00	20,00	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20,00	20,00	20,00	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO BỔ SUNG NĂM 2019  
CỦA: VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số **35** /QĐ- SCT ngày **01** /4/2019 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20,00
1	Chi quản lý hành chính	20,00
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20,00
	- Kinh phí thực hiện Dự án thành phần (Dự án 5) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2018 (Mã CTMT: 0026)	20,00

Số: 02/QĐ-SCT

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 01 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của Sở Công Thương**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 cho Sở Công Thương;

Xét đề nghị của Chánh Văn Phòng,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách được giao năm 2019 của Sở Công Thương Tuyên Quang cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh văn phòng; Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính - Tổng hợp; Trưởng các phòng, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở; (đăng tải trên cổng TTĐT của Sở);
- Lưu :VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Ngô Tiên Hà**

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH  
ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ- SCT ngày 09/01/2019 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)



ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Văn phòng Sở Công Thương	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp
A	B	1		2	3
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NSNN PHÍ, LỆ PHÍ</b>				
1	Số thu phí, lệ phí	120	120	120	
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	120	120	120	
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>	55	55	55	
	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</i>	20	20	20	
	<i>Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	45	45	45	
2	Thu sự nghiệp	-			-
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	88.000	88.000	88.000	
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-			-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			
	- Số thu để lại làm lương	-			
	- Số thu để lại chi phục vụ chuyên môn	-			
3.2	Chi quản lý hành chính	88	88	88	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	88	88	88	
	- Số thu để lại làm lương	35	35	35	
	- Số thu để lại chi phục vụ chuyên môn	53	53	53	
4	Số phí, lệ phí nộp NSNN	32	32	32	
4.1	Phí	32	32	32	
	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng</i>	15	15	15	
	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</i>	2	2	2	
	<i>Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	15	15	15	
4.2	Thu sự nghiệp	-			-

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Văn phòng Sở Công Thương	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp
II	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>10.738</b>	<b>10.738</b>	<b>9.509</b>	<b>1.229</b>
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.696</b>	<b>5.696</b>	<b>5.696</b>	
1.1	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Khoản: 341; Mã nguồn: 13)</b>	<b>4.577</b>	<b>4.577</b>	<b>4.577</b>	
	- Chi định mức theo Nghị quyết 06/2016/NQ-HĐND	625	625	625	
	<i>Trong đó: Kinh phí trích lập Quỹ Thi đua khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP</i>	22	22	22	
	- Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương	3.238	3.238	3.238	
	- Trừ số thu để lại làm lương	(35)	- 35	(35)	
	- Chi các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn	558	558	558	
	- Chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	31	31	31	
	- Chi xăng dầu xe ô tô	160	160	160	
1.2	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ đã trừ kinh phí tiết kiệm 10% (Khoản: 341, nguồn: 12)</b>	<b>1.119</b>	<b>1.119</b>	<b>1.119</b>	
	- Kinh phí xây dựng chương trình truyền hình tiềm năng phát triển công nghiệp và thương mại Tuyên Quang trên kênh VTV Đài truyền hình Việt Nam	60	60	60	
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo an toàn điện	45	45	45	
	- Kinh phí hoạt động của Ban quản lý chợ	45	45	45	
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	85	85	85	
	- Kinh phí chỉ nghiệp vụ khác phục vụ hoạt động liên quan đến phát triển thương mại, khai thác và xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư vào xây dựng các dự án thủy điện nhỏ ....	80	80	80	
	- Kinh phí thực hiện chương trình Đề án phát triển thị trường trong tỉnh gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	135	135	135	
	- Kinh phí tổ chức Ngày Quyền của Người tiêu dùng Việt Nam	70	70	70	
	- Kinh phí tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát về an toàn thực phẩm	22	22	22	
	- Kinh phí thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc	18	18	18	
	- Kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế	40	40	40	
	- Kinh phí thực hiện nghiệp vụ Thanh tra chuyên ngành	22	22	22	
	- Kinh phí xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức viên chức VNPTERF	88	88	88	
	- Kinh phí thực hiện đề án đưa cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, triển vọng đang công tác ở các cơ quan cấp tỉnh về xã công tác giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Tuyên Quang	53	53	53	
	- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất	176	176	176	
	- Mua máy vi tính	75	75	75	
	- Mua máy photocopy	90	90	90	
	- Mua máy định vị cầm tay	11	11	11	

STT	Nội dung	Tổng số	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
				Văn phòng Sở Công Thương	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp
	- Kinh phí xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá sản phẩm công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	180	180	180	
1.3	Kinh phí tiết kiệm 10%	97	97	97	
2	Chi sự nghiệp kinh tế	5.042	5.042	3.813	1.229
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Khoản: 309, Nguồn: 13)	932	932	-	932
	- Chi định mức theo NQ 06/2016/NQ - HĐND	120	120		120
	<i>Trong đó: Kinh phí trích lập Quỹ Thi đua khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP</i>	6	6		6
	- Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương	614	614		614
	- Trừ số thu để lại làm lương	(18)	- 18		(18)
	- Chi các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn	136	136		136
	- Chi xăng dầu xe ô tô	80	80		80
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên đã trừ kinh phí tiết kiệm 10%	4.110	4.110	3.813	297
a	Khoản: 309, Nguồn: 12	1.110	1.110	813	297
	- Kinh phí trích lập Quỹ Khuyến công địa phương	813	813	813	
	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn công tác khuyến công cho UBND các huyện, thành phố, UBND các xã phường và các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	40	40		40
	Kinh phí tham gia gian hàng triển lãm tại các Hội chợ Công nghiệp - Thương mại trong nước	167	167		167
	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sản xuất sạch hơn cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh	40	40		40
	Mua sắm, sửa chữa tăng cường cơ sở vật chất	50	50		50
	- Sửa chữa xe ô tô	50	50		50
b	Khoản: 338, Nguồn: 12	3.000	3.000	3.000	
	- Kinh phí thực hiện Dự án mở rộng trụ sở làm việc Sở Công Thương	3.000	3.000	3.000	
2.3	Kinh phí tiết kiệm 10%	33	33		33

## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO ĐẦU NĂM 2019 CỦA: VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ- SCT ngày 09/01/2018 của Sở Công Thương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)



Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu hoạt động dịch vụ</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>	<b>120,00</b>
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	120,00
-	<i>Phí thẩm định điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	55,00
-	<i>Phí TĐ đầu tư, dự án đầu tư</i>	20,00
-	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ CN</i>	45,00
1.3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	-
1.4	Thu sự nghiệp khác	88.000,00
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại</b>	<b>-</b>
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	-
2.2	Chi quản lý hành chính	88,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	88,00
-	<i>Số thu để lại làm lương</i>	35,00
-	<i>Số thu để lại chi phục vụ chuyên môn</i>	53,00
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	<b>32,00</b>
3.1	Lệ phí	-
3.2	Phí	32,00
-	<i>Phí thẩm định điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng</i>	15,00
-	<i>Phí TĐ đầu tư, dự án đầu tư</i>	2,00
-	<i>Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ CN</i>	15,00
3.3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	-
3.4	Thu sự nghiệp khác	-
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>9.509</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.696</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Khoản: 341; Mã nguồn: 13)	4.577
-	<i>Chi định mức theo Nghị quyết 06/2016/NQ-HĐND</i>	625
-	<i>Trong đó: Kinh phí trích lập Quỹ Thi đua khen thưởng thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP</i>	22
-	<i>Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương</i>	3.238



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Trừ số thu để lại làm lương	(35)
	- Chi các khoản bảo hiểm, kinh phí công đoàn	558
	- Chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy	31
	- Chi xăng dầu xe ô tô	160
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ đã trừ kinh phí tiết kiệm 10% (Khoản: 341, nguồn: 12)</b>	<b>1.119</b>
	- Kinh phí xây dựng chương trình truyền hình tiềm năng phát triển công nghiệp và thương mại Tuyên Quang trên kênh VTV Đài truyền hình Việt Nam	60
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo an toàn điện	45
	- Kinh phí hoạt động của Ban quản lý chợ	45
	- Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả	85
	- Kinh phí chi nghiệp vụ khác phục vụ hoạt động liên quan đến phát triển thương mại, khai thác và xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư vào xây dựng các dự án thủy điện nhỏ ....	80
	- Kinh phí thực hiện chương trình Đề án phát triển thị trường trong tỉnh gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	135
	- Kinh phí tổ chức Ngày Quyền của Người tiêu dùng Việt Nam	70
	- Kinh phí tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát về an toàn thực phẩm	22
	- Kinh phí thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc	18
	- Kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế	40
	- Kinh phí thực hiện nghiệp vụ Thanh tra chuyên ngành	22
	- Kinh phí xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức viên chức VNPTERF	88
	- Kinh phí thực hiện đề án đưa cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, triển vọng đang công tác ở các cơ quan cấp tỉnh về xã công tác giai đoạn 2017-2020 của tỉnh Tuyên Quang	53
	- Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất	176
	- <i>Mua máy vi tính</i>	75
	- <i>Mua máy photocopy</i>	90
	- <i>Mua máy định vị cầm tay</i>	11
	- Kinh phí xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá sản phẩm công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	180
<b>1.3</b>	<b>Kinh phí tiết kiệm 10%</b>	<b>97</b>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>3.813</b>
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>3.813</b>
<b>2.2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên đã trừ kinh phí tiết kiệm 10%</b>	<b>813</b>
<b>a</b>	<b>Khoản: 309, Nguồn: 12</b>	<b>813</b>
	- Kinh phí trích lập Quỹ Khuyến công địa phương	813
<b>b</b>	<b>Khoản: 338, Nguồn: 12</b>	<b>3.000</b>
	- Kinh phí thực hiện Dự án mở rộng trụ sở làm việc Sở Công Thương	3.000